TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 15/2025/DS-ST Ngày: 30-6-2025 V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế và huỷ Giấy CNQSD đất.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Đức Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Bùi Văn Hồng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thảo Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà: Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 88/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế và huỷ Giấy CNQSD đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXX-DSST ngày 04/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 23/2025/QĐST ngày 19/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Võ Công Đức A, sinh năm 1998; địa chỉ: B V, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Phương A1, sinh năm 1996; địa chỉ: B V, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1979; địa chỉ Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

3.2. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn K, *bà* Đặng Thị L*:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1999; địa chỉ: B V, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

3.3. Bà Đậu Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

3.4. Anh Đặng Văn B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

3.5. Anh Đặng Văn T1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

3.6. Anh Đặng Văn H, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

3.7. UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

3.8. UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Đường M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị Thùy D – Chuyên viên phòng Tài nguyên - Môi trường Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày của các đương sự và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn ông* Đặng Văn C *và người đại diện theo uỷ quyền của ông* C *ông* Võ Công Đức A *trình bày:*

Ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1 là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm) có địa chỉ tại xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất số phát hành CI 599877, số vào sổ cấp GCN: CH 02548, số 5124/QĐ-UBND mang tên ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1. Ông bà có 4 người con chung, gồm bà Đặng Thị L; ông Đặng Văn T2 (đã chết năm 2022), có vợ là bà Đậu Thị T, con là anh Đặng Văn T3 (đã chết) và Đặng Văn B; ông Đặng Văn T4 (đã chết năm 2021) có vợ là bà Trần Thị V, con là Đặng Văn T1 và anh Đặng Văn H; ông Đặng Văn K.

Năm 2013, vợ ông Đặng Văn C là bà Đoàn Thị L1 chết. Sau khi bà L1 chết, ông C là người tiếp tục trực tiếp quản lý, sinh sống, sử dụng thửa đất trên. Ngày 13/01/2021, con trai ông C - ông Đặng Văn T4 chết. Cuối năm 2021, ông C thực

hiện việc sửa chữa lại căn nhà mà ông C đang sử dụng. Tuy nhiên, bà Trần Thị V (vợ ông T4) có hành vi ngăn cản và cho rằng thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh của vợ chồng ông C thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng bà Trần Thị V, nên ông C không được phép thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

Sau khi xảy ra sự việc trên, ông C đã liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện trích lục hồ sơ, tài liệu liên quan quá trình sử dụng, biến động của thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh thì được biết: Ngày 30/11/2018, UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành CO 352340 mang tên ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V đối với thửa đất trên. Việc cấp Giấy CNQSD đất được UBND huyện H căn cứ vào "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" lập ngày 05/08/2018 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và "Biên bản họp gia đình" ngày 27/7/2017 thể hiện trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất.

- UBND huyện H căn cứ vào "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" lập ngày 05/08/2018 để thực hiện thủ tục đăng ký biến động và cấp Giấy CNQSD đất cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V là trái quy định pháp luật, bởi:

Thứ nhất: Ông C chưa thực hiện việc tặng cho hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho bất kỳ ai. Ông C không biết, không thỏa thuận, không ký vào "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" lập ngày 05/08/2018 thể hiện trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của ông Đặng Văn T4, bà Trần Thị V.

Thứ hai: "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" thể hiện trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của ông Đặng Văn T4, bà Trần Thị V được lập ngày 05/08/2018 có chữ ký của vợ ông C bà Đoàn Thị L1. Tuy nhiên, bà L1 đã chết ngày 29/8/2013 nên không thể thực hiện việc tặng cho, ký "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

- UBND huyện H căn cứ vào "Biên bản họp gia đình" lập ngày 05/08/2018 để thực hiện thủ tục đăng ký biến động và cấp Giấy CNQSD đất cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V là trái quy định pháp luật, bởi:

Trước khi bà Đoàn Thị L1 chết không để lại di chúc đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho ai.

Sau khi bà Đoàn Thị L1 chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ ông C chưa tiến hành họp gia đình để phân chia khối di sản của bà L1 để lại. Tuy nhiên, tại hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V có "Biên bản họp gia đình" có thể hiện chữ ký của ông C và bốn người con. Ông C khẳng định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đoàn Thị L1 chưa tiến hành họp phân chia di sản thừa kế và không tham gia họp và ký tại "Biên bản họp gia đình".

Từ những phân tích trên, ông C khẳng định "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" ngày 05/08/2018 và "Biên bản họp gia đình" thể hiện trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của ông Đặng Văn T4, bà Trần Thị V giả tạo, không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, việc UBND huyện H căn cứ vào hồ sơ, tài liệu trên để thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSD đất số phát hành CO 352340 ngày 30/11/2018 cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là trái quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Do đó, ông C yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết những vấn đề sau:

1. Hủy Quyết định số 9236/UBND-QĐ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO 352340, cấp ngày 30/11/2018 của UBND huyện H, đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V.

2. Buộc bà Trần Thị V chấm dứt hành vi cản trở và trả lại quyền sử dụng đất cho tôi đối với ½ thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại ½ thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho ông Đặng Văn C và các đồng thừa kế.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, chứng cứ ngày 09/6/2025 và tại phiên tòa ông Đặng Văn C đề nghị được nhận phần diện tích đất 337m^2 (trong đó 100m^2 đất ở, 237m^2 đất trồng cây lâu năm) có ranh giới: Phía Tây giáp đất ông Đào Văn L2 dài 12,5m; Phía Nam giáp ngõ vào nhà ông Đào Văn L2 dài 23,3m; Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 14m; Phía Bắc giáp ranh giới ngôi nhà gỗ hiện tại ông C đang sinh sống dài 28,8m. Đối với phần tài sản trên đất ông C đề nghị giao cho ông ngôi nhà gỗ có diện tích 71,42m^2 và ốt (mái che) có diện tích 25,4m^2, vì hai công trình này do ông C tạo lập và hiện nay ông là người trực tiếp, quản lý, sử dụng hai tài sản trên. Đồng thời ông C đề nghị giao lại phần diện tích đất còn lại và các công trình, tài sản khác nằm trên đất (trừ ngôi nhà gỗ có diện tích 71,42m^2 và ốt có diện tích 25,4m^2) cho bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1 và anh Đặng Văn H .

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà* Trần Thị V *trình bày:*

Thửa đất số số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc do ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1 tạo lập. Bà V và ông Đặng Văn T4 (Con trai của ông C) có đăng ký kết hôn hợp pháp năm 1999, sau khi kết hôn về sống chung với ông C, bà L1 thì sinh được 2 người con là Đặng Văn T1 và Đặng Văn H. Đến năm 2018 thì vợ chồng bà V được ông C và anh chị em của chồng đồng ý từ chối nhận di sản thừa kế của bà L1 để lại và

tặng phần thửa đất đó cho vợ chồng ông T4, bà V. Riêng ông C ngoài phần được nhận thừa kế thì còn ½ tài sản của ông trong khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bà L1 đã làm thủ tục tặng cho cho vợ chồng bà V. Mọi thủ tục và hồ sơ phân chia di sản thừa kế và thủ tục tặng cho cho vợ chồng bà được UBND xã H và UBND huyện H hướng dẫn và làm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018 vợ chồng bà được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 352340. Từ thời điểm trước, thời điểm sau khi được cấp Giấy chứng nhận cho vợ chồng bà thì ông C không hề có tranh chấp nhưng giờ ông T4 mất thì ông C có ý định đòi lại.

Tại buổi làm việc ngày 05/3/2025 bà V đồng ý với việc tách một phần diện tích đất cho ông Đặng Văn C và đề nghị đối với phần diện tích đất tách ra, ông C phải có giấy cam kết tặng, cho phần đất đó hoặc lập di chúc để lại thừa kế cho một trong hai người con trai của bà V là Đặng Văn T1 hoặc Đặng Văn H. Tại phiên tòa bà V không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C vì bà cho rằng ông C cùng các anh chị em đã cho vợ chồng bà thửa đất trên.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh* Đặng Văn H *và anh* Đặng Văn T1 *(con của ông* Đặng Văn T4 *và bà* Trần Thị V*) trình bày:* Thống nhất với quan điểm của bà Trần Thị V về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất; đồng thời đồng ý với ý kiến của mẹ là bà Trần Thị V về việc: Tách một phần diện tích đất cho ông Đặng Văn C và đề nghị đối với phần diện tích đất tách ra, ông C phải có giấy cam đoan tặng, cho phần đất đó lại cho một trong hai anh em. Tại phiên tòa anh Đặng Văn T1 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C vì anh cho rằng ông C đã cho bố, mẹ anh thửa đất trên.

** Quá trình giải quyết vụ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông* Đặng Văn K, *bà* Đặng Thị L *(con ông* C, *bà* L1*) trình bày:* Thống nhất với quan điểm của ông C về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất và yêu cầu khởi kiện của ông C. Phần yêu cầu về chia di sản thừa kế: Nếu hai bên thỏa thuận được thì không yêu cầu chia phần di sản, còn không thỏa thuận được thì phần của mình ông K, bà L đề nghị giao cho ông C.

** Quá trình giải quyết vụ án bà* Đậu Thị T *(Vợ ông* Đặng Văn T2 *con trai của ông* C*) trình bày:* Nguồn gốc đất do ông C, bà L1 mua. Sau khi ở chung 2 năm thì ông ra ở riêng miếng đất hiện tại đang ở. Hợp đồng tặng cho thì chồng tôi (ông T2) ký năm 2017. Sau khi bà L1 mất thì ông C có sang ở với vợ chồng tôi (ông T2, bà T) một thời gian, sau khi anh T4 mất thì ông sang đó ở. Khi UBND xã thông báo ông có chế độ xây nhà thì có họp gia đình, nguyện vọng của các con là tuổi ông đã cao, không muốn ông làm nhà. Nguyện vọng của bà T: Thỏa thuận được thì ở chung trong gia đình, nếu không thỏa thuận được thì bà V nên cắt cho ông một phần đất để xây nhà, không nên tách bìa. Nếu không thỏa thuận được thì bà T không yêu cầu chia phần di sản dành cho mình, để lại cho cháu T1, cháu H.

** Quá trình giải quyết vụ án anh* Đặng Văn B *(Con của ông* Đặng Văn T2*) trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại xóm E, xã H,

huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trước đây là của ông bà nội là ông Đặng Văn C, bà Đoàn Thị L1. Thời điểm đó ông, bà nội sống cùng vợ chồng chú mự là ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V. Năm 2018 UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất mang tên Đặng Văn T4 anh B không biết rõ lý do.

Anh B không yêu cầu chia tài sản thừa kế của bà L1 cho anh mà anh nhường lại cho em Đặng Văn T1.

** Tại Văn bản số 70/UBND-TNMT ngày 08/01/2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của* UBND huyện H *trình bày:*

Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21 (bản đồ địa chính năm 2013), diện tích 1383,7m^2 địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc do hộ ông Đặng Văn C sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp từ năm 1992. Đến năm 2018, hộ gia đình kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 599877 ngày 02/7/2018, với diện tích 1383,7 m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm.

Ngày 05/8/2018, hộ ông Đặng Văn C lập hồ sơ tặng cho con trai toàn bộ diện tích thửa đất trên và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 352340 ngày 30/11/2018 mang tên ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V.

Năm 2021, ông Đặng Văn T4 chết; tháng 01 năm 2024, ông Đặng Văn C có đơn gửi UBND xã H đề nghị giải quyết tranh chấp, UBND xã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Nguồn gốc đất là của ông Đặng Văn C và khi lập hồ sơ tặng cho thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh thì anh Đặng Văn T4 còn sống. Hiện nay trên thửa đất trên thì bà Trần Thị V và các con đang sinh sống. Căn cứ hồ sơ tặng cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 352340 năm 2018 không đúng quy định, đủ cơ sở để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 352340 ngày 30/11/2018 của ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và chia di sản thừa kế theo pháp luật. Mặt khác, nếu cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp đúng theo quy định thì theo Bộ luật Dân sự, ông Đặng Văn T4 mất trước cha là ông Đặng Văn C thì ông C (cha đẻ) vẫn có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Do đó, hai bên đương sự nên hòa giải với nhau để có cách giải quyết, tốt nhất là tách một phần diện tích đất trên thửa đất và ông Đặng Văn C đứng tên trên diện tích đất đó và ông C làm di chúc để lại phần diện tích đất trên cho con ông Đặng Văn T4.

** Tại văn bản số 249/UBND-ĐC ngày 30/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án đại diện* UBND xã H *trình bày:* Căn cứ theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu trữ tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện H thì thửa đất đang tranh chấp trong vụ án dân sự nêu trên là thửa đất ông Đặng Văn C nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H1 ngày

12/12/1991 (có giấy tờ mua bán viết tay có xác nhận của HTX). Thửa đất này là đất tổ nghiệp do ông bà cha mẹ để lại cho gia đình bà Nguyễn Thị H1 sử dụng làm đất vườn ở. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Đặng Văn C sử dụng làm nhà ở ổn định liên tục và được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 599877, số vào sổ CH 02548 mang tên ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1 theo Quyết định số 5124 ngày 02/07/2018.

Đến ngày 05/8/2018, ông Đặng Văn C thực hiện thủ tục tặng cho bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho con trai và con dâu là ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V. Ngày 30/11/2018, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CO 352340, số vào sổ CH 02715 mang tên Đặng Văn T4 và Trần Thị V theo Quyết định số 9236/UBND-QĐ của UBND huyện H. Sau khi xảy ra tranh chấp UBND xã đã thực hiện thủ tục hòa giải, hai bên đã thống nhất tách ra cho ông C một thửa đất và cắm mốc, không cần làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Hai bên đồng ý và UBND xã yêu cầu trong vòng 3 ngày tiếp tục về thỏa thuận. Tuy nhiên sau đó chị V không đồng ý. UBND xã cũng nhất trí với phương án tách một phần diện tích đất trên thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho ông Đặng Văn C và ông Đặng Văn C đứng tên trên diện tích đất tách ra đó.

** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với thửa đất và các tài sản trên thửa đất tranh chấp:* Căn cứ kết quả quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 25/4/2025 xác định: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21 theo hiện trạng sử dụng có diện tích: 1318,3m^2 (trong đó đất ở 300m^2 và đất trồng cây lâu năm 1018,3m^2) có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đất ông Đào Văn L2 dài: 38,36m; Phía Nam giáp ngõ vào nhà ông Đào Văn L2 dài: 23,3m; Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài: 47,93m; Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài: 34,41m.

- *Về giá trị thửa đất:* Đất ở 300 m^2 x 180.000đồng/m^2 = 54.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm: 1018,3m^2 x 48.100 đồng/m^2 = 48.980.711đồng. Tổng giá trị thửa đất: 54.000.000 đồng + 48.980.711 đồng = 102.980.711 đồng (một trăm linh hai triệu, chín trăm tám mươi ngàn, bảy trăm mười một đồng).

- *Về giá trị tài sản trên đất:*

+ Về cây trồng:

- 01 cây Cau cao thân cao 1m: 30.000 đồng.

- 07 cây Cau cao thân cao từ 1 đến 2m: 700.000 đồng

- 07 cây Cau thân cao hơn 2m: 1.960.000 đồng.

- C, V1 thân cao từ 3 đến 5m (02 cây): 600.000 đồng.

Ngoài ra trên thửa đất có một số cây thân quả nhỏ, giá trị không lớn, hai bên thống nhất không định giá.

+ Về công trình vật kiến trúc trên đất:

- 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 71,42m^2, nền láng vữa xi măng, vách thưng bằng đất kết hợp với gỗ: 41.871.460,0 đồng.

- 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 38,79m^2, nền láng vữa xi măng, vách thưng bằng gỗ: 24.367.000,0 đồng.

- Mái che, cột bê tông cốt thép lợp ngói Fibro: 1.891.000,0 đồng.

- Hàng rào dài 98,7m bằng lưới thép B40: 4.836.000,0 đồng.

- Cánh cổng (cổng ống thép mạ kẽm kết hợp B40): 788.000,0 đồng.

- Hàng rào bằng gạch táp lô dài 13,48m: 2.409.000,0 đồng.

- Chuồng trại móng đá hộc, gạch táp lô, nền láng xi măng, mái lợp Fibro: 45.281.000,0 đồng.

- Nhà tránh lũ bằng khung thép mạ kẽm, mái lợp tôn màu: 10.000.000,0 đồng.

- Sân láng xi măng diện tích 155,05m^2 : 2.016.000,0 đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, 34, 37, 39, 48, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 27, 28 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 33, 35 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 3, 32 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn C.

- Hủy Quyết định số 9236/UBND-QĐ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO 352340, cấp ngày 30/11/2018 của UBND huyện H, đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V.

- Chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại và tài sản của ông Đặng Văn C tại thửa đất số đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1318,3m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1018,3m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

+ Giao cho ông Đặng Văn C được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 337m^2, trị giá 29.399.700đồng (trong đó đất ở 100m^2, trị giá 18.000.000 đồng và đất trồng cây lâu năm 237m^2, trị giá 11.399.700 đồng),

thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất giao cho ông C có vị trí tứ cận:

+ Giao cho anh bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 981,3m^2, trị giá 73.580.530đồng (trong đó đất ở diện tích 200m^2, trị giá 36.000.000đồng và đất trồng cây lâu năm 781,3m^2, trị giá 37.580.530đồng), thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất giao cho bà V2, anh T1, anh H có vị trí tứ cận:

- Về tài sản trên đất:

+ Giao cho ông Đặng Văn C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 71,42m^2, nền láng vữa xi măng, vách thưng bằng đất kết hợp với gỗ trị giá 41.871.460,0 đồng và toàn bộ các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối nằm trên phần đất ông C được giao quản lý sử dụng.

+ Giao cho bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H được quyền sở hữu, quản lý sử dụng toàn bộ các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối nằm trên phần đất bà V, anh T1, anh H được giao quản lý sử dụng (trừ 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 71,42m^2 đã được giao cho ông Đặng Văn C).

- Các đương sự được giao đất có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành CO 352340, cấp ngày 30/11/2018, đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V; Buộc bà Trần Thị V chấm dứt hành vi cản trở và trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa số 151, tờ bản đồ số 21; Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại ½ thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21 cho ông Đặng Văn C và các đồng thừa kế, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế và huỷ Giấy CNQSD đất*" theo quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26 Bộ luật

tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Trong vụ án này người khởi kiện yêu cầu trả lại quyền sử dụng đối với ½ thửa đất và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại là ½ thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho ông Đặng Văn C và các đồng thừa kế. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 55 Bộ luật dân sự, không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu trả lại đất của người khởi kiện. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế, bà Đoàn Thị L1, chết ngày 29 tháng 8 năm 2013; căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế (di sản thừa kế của bà L1 để lại là quyền sử dụng đất); đến ngày 15/11/2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, xét thấy: Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự và người tham gia tố tụng, một số người vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho người đại diện tham gia, một số người vắng mặt không có lý do; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ quan điểm, trình bày của những người vắng mặt. Tại phiên tòa các đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát đều có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc hủy Quyết định số 9236/UBND-QĐ và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành CO 352340, cấp ngày 30/11/2018 của UBND huyện H*, đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại:* Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh *mang tên ông* Đặng Văn T4 *và bà* Trần Thị V*, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[2.1.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất: Căn cứ hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện, thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21 địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh được ông Đặng Văn C nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H1 ngày 12/12/1991 (có giấy tờ mua bán viết tay có xác nhận của chính quyền địa phương). Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Đặng Văn C sử dụng làm nhà ở ổn định liên tục và được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 599877 số vào sổ CH 02548 mang tên ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1 theo Quyết định số 5124 ngày 02/07/2018. Căn

cứ "Biên bản họp gia đình" ngày 27/7/2017 về việc tặng cho quyền sử dụng thửa đất và "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" ngày 05/8/2018, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CO 352340, số vào sổ CH 02715 ngày 30/11/2018 mang tên Đặng Văn T4 và Trần Thị V theo Quyết định số 9236/UBND-QĐ của UBND huyện H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1 tạo lập. Nội dung này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vì vậy đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1.2] Xét thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất:

Căn cứ hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho ông Đặng Văn T4 và Bà Trần Thị V thể hiện, ngày 27/7/2017 ông Đặng Văn C cùng các con Đặng Thị L, Đặng Văn K, Đặng Văn T2 và Đặng Văn T4 lập "Biên bản họp gia đình" về việc tặng cho quyền sử dụng thửa đất cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V; ngày 05/8/2018 ông Đặng Văn C thực hiện thủ tục tặng cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V bằng "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21 địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị L cho rằng bản thân không biết, không tham gia buổi họp gia đình và không ký vào "Biên bản họp gia đình" ngày 17/7/2017; đồng thời ông Đặng Văn C cho rằng ông chưa bao giờ ký "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" lập ngày 05/8/2018. Do đó, ông C có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết "Đặng Văn C" tại mục người chủ trì cuộc họp tại "Biên bản họp gia đình" lập ngày 27/7/2017 và chữ viết "Đặng V C1" tại mục Chủ hộ tại "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" lập ngày 05/08/2018. Ông Đặng Văn K và bà Đặng Thị L có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết "Đặng Văn K", "Đặng Thị L" tại mục "Các thành viên ký tên" trong "Biên bản họp gia đình" lập ngày 27/7/2017.

Căn cứ đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết của ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn K và bà Đặng Thị L, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định trưng cầu giám định số: 03/2025/QĐ-TCGĐ ngày 21/5/2025 trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh H thực hiện giám định chữ viết của ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị L có trong "Biên bản họp gia đình" ngày 17/7/2017; chữ viết của ông Đặng Văn C có trong "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" lập ngày 05/08/2018.

Tại Kết luận giám định số 701/KL-KTHS ngày 30/5/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

- Chữ viết "Đặng Văn C" dưới mục "Người chủ trì cuộc họp Cha đẻ" trên mẫu cần giám định A1 so với chữ viết đề tên Đặng Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4, M5 không phải do cùng một người viết.

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ viết "Đặng V C1" dưới mục "Bên A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết đề tên Đặng Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4, M5 có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Chữ viết "Đặng Văn K" dưới mục "Các thành viên ký tên" trên mẫu cần giám định A1 so với chữ viết đề Đặng Văn K trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người viết.

- Chữ viết "Đặng Thị L" dưới mục "Các thành viên ký tên" trên mẫu cần giám định A1 so với chữ viết đề Đặng Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một người viết.

Căn cứ Kết luận giám định số 701/KL-KTHS ngày 30/5/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H thì chữ viết Đặng Văn C dưới mục "Người chủ trì cuộc họp Cha đẻ", chữ viết Đặng Văn K, Đặng Thị L dưới mục "Các thành viên ký tên" không phải là chữ viết của ông C, ông K, bà L, do đó việc ông C, ông K, bà L cho rằng bản thân không tham gia họp và không ký vào "Biên bản họp gia đình" ngày 17/7/2017 là có cơ sở. Do đó biên bản này không có giá trị pháp lý.

Về nội dung Kết luận giám định số 701/KL-KTHS ngày 30/5/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H xác định: Không đủ cơ sở để kết luận chữ viết "Đặng V C1" dưới mục "Bên A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết đề tên Đặng Văn C" trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4, M5 có phải do cùng một người viết ra hay không. Hội đồng xét xử nhận thấy "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" được lập ngày 05/08/2018 có chữ ký của vợ ông C là bà Đoàn Thị L1. Tuy nhiên, bà L1 đã chết ngày 29/8/2013 nên không thể thực hiện việc tặng cho và ký vào "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Như vậy, có căn cứ xác định trước thời điểm bà Đoàn Thị L1 chết bà L1 không để lại di chúc đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho ai. Sau khi bà Đoàn Thị L1 chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L1 chưa tiến hành họp gia đình để phân chia khối di sản của bà L1 để lại. Tuy nhiên, tại hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V có "Biên bản họp gia đình" thể hiện chữ ký của ông C và bốn người con, nên đủ cơ sở khẳng định "Biên bản họp gia đình" ngày 27/7/2017 và "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" ngày 05/08/2018 có trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của ông Đặng Văn T4, bà Trần Thị V là giả tạo, không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, việc UBND huyện H căn cứ vào hồ sơ, tài liệu trên để ban hành Quyết định số 9236/UBND-QĐ và cấp Giấy CNQSD đất số phát hành CO 352340 ngày 30/11/2018 cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là trái quy định pháp luật, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C về việc hủy Quyết định số 9236/UBND-QĐ và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 352340,

cấp ngày 30/11/2018 của UBND huyện H, đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó đất ở 300m^2, đất trồng cây lâu năm 1083,7m^2), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V

[2.2]. Xét yêu cầu của ông Đặng Văn C *về việc buộc bà* Trần Thị V *chấm dứt hành vi cản trở và trả lại quyền sử dụng đất đối với ½ thửa đất và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của bà* Đoàn Thị L1 *để lại đối với ½ thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại:* Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh *cho ông* Đặng Văn C *và các đồng thừa kế:*

Căn cứ nội dung được phân tích, đánh giá tích tại mục [2.1] đủ căn cứ xác định trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSD đất số phát hành CO 352340 ngày 30/11/2018, đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21 cho ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V là không đảm bảo quy định của pháp luật, vì vậy thửa đất là tài sản chung của vợ chồng ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1 chưa được phân chia; Việc ông Đặng Văn C yêu cầu bà Trần Thị V chấm dứt hành vi cản trở và trả lại quyền sử dụng đất cho ông C đối với ½ thửa đất, đồng thời chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Đoàn Thị L1 để lại đối với ½ thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21 là có căn cứ.

Theo quy định của pháp luật, ông Đặng Văn C sẽ được chia ½ thửa đất đất số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là tài sản chung với bà Đoàn Thị L1. Căn cứ hiện trạng sử dụng thì thửa đất có diện tích 1.318,3m^2 (trong đó đất ở 300m^2, đất trồng cây hàng năm 1.018,3m^2), ông C sẽ được nhận 659,15m^2 (trong đó đất ở 150m^2, đất trồng cây lâu năm 509,15m^2).

Đối với ½ đất còn lại của thửa 151, tờ bản đồ số 21 với diện tích 659,15m^2 (trong đó đất ở 150m^2, đất trồng cây lâu năm 509,15m^2) là di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại. Nếu chia theo quy định của pháp luật phần diện tích này sẽ được chia đều cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L1 gồm: Ông Đặng Văn C (chồng bà L1) và 04 người con của ông C, bà L1 gồm: Bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn T2, ông Đặng Văn T4, với kỹ phần mỗi suất được nhận 131,83m^2 (trong đó đất ở 30m^2, đất trồng cây lâu năm 101,83m^2). Do, ông T2 và ông T4 đã chết (ông T2 chết năm 2019, ông T4 chết năm 2021) nên phần di sản ông T2, ông T4 được hưởng sẽ được chia đều cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 và ông T4; phần của ông T2 sẽ được chia cho cha ông T2 là ông Đặng Văn C, vợ và con của ông T2 là bà Đậu Thị T (vợ) và anh Đặng Văn B (con); phần của ông T4 sẽ được chia cho cha ông T4 là ông Đặng Văn C, vợ và con của ông T4 là bà Trần Thị V (vợ) và 02 con là anh Đặng Văn T1 và anh Đặng Văn H.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị L và ông Đặng Văn K từ chối nhận phần di sản của mình được hưởng từ bà Đoàn Thị L1 và đề nghị giao phần di sản này cho ông Đặng Văn C. Bà Đậu Thị T và anh Đặng Văn B từ chối nhận phần di sản thừa kế của mình được hưởng từ ông Đặng Văn T2 và đề nghị giao phần di sản này cho anh Đặng Văn T1 và anh Đặng Văn H. Mặt khác, ông Đặng

Văn C có sự thay đổi yêu cầu và chỉ đề nghị Tòa án giao cho ông phần đất có diện tích 337m^2 (trong đó đất ở 100m^2, đất trồng cây lâu năm 237m^2 với ranh giới tứ cận cụ thể: Phía Tây giáp đất ông Đào Văn L2 dài 12,5m; Phía Nam giáp ngõ vào nhà ông Đào Văn L2 dài 23,3m; Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 14m; Phía Bắc giáp phần đất có ngôi nhà gỗ hiện tại ông C đang sinh sống dài 28,8m.

Nhận thấy, việc bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn K, bà Đậu Thị T và anh Đặng Văn B từ chối nhận phần di sản của mình được hưởng và tặng lại cho những người thừa kế khác là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Ông Đặng Văn C đề nghị nhận phần diện tích đất 337m^2 nhỏ hơn phần của ông đáng lẽ được nhận, đồng thời ông C đề nghị giao phần đất còn lại cho bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H được quyền quản lý, sử dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được được chấp nhận.

Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất 151, tờ bản đồ số 21 (sau khi đã giao cho ông Đặng Văn C) là 981,3m^2 (trong đó đất ở 200m^2, đất trồng cây lâu năm 781,3m^2). Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C về chia tài sản của ông C trong khối tài sản chung với bà Đoàn Thị L1 và chia di sản thừa kế của bà L1. Xét thấy, hiện nay trên phần thửa đất có nhiều tài sản chung do ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V tạo lập, nếu chia các phần đất cho bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H sẽ ảnh hưởng đến các công trình xây dựng và tài sản trên đất, mặt khác qúa trình giải quyết vụ án bà V, anh T1, anh H không có tranh chấp về lợi ích với nhau. Do đó cần giao cho bà V, anh T1, anh H được quyền quản lý, sử dụng chung đối với phần đất này. Trường hợp các bên có nguyện vong chia thửa đất thì có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự.

[2.3]. Về tài sản trên đất:

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định trên thửa đất tranh chấp có các tài sản:

+ Về cây trồng:

- 01 cây Cau cao thân cao 1m: 30.000 đồng.

- 07 cây Cau cao thân cao từ 1 đến 2m: 700.000 đồng

- 07 cây Cau thân cao hơn 2m: 1.960.000 đồng.

- C, V1 thân cao từ 3 đến 5m (02 cây): 600.000 đồng.

Ngoài ra trên thửa đất có một số cây thân quả nhỏ, giá trị không lớn, hai bên thống nhất không định giá

+ Về công trình vật kiến trúc trên đất:

- 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 71,42m^2, nền láng vữa xi măng, vách thưng bằng đất kết hợp với gỗ: 41.871.460,0 đồng.

- 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 38,79m^2, nền láng vữa xi măng, vách thưng bằng gỗ: 24.367.000,0 đồng.

- Mái che, cột bê tông cốt thép lợp ngói Fibro: 1.891.000,0 đồng.

- Hàng rào dài 98,7m bằng lưới thép B40: 4.836.000,0 đồng.

- Cánh cổng (cổng ống thép mạ kẽm kết hợp B40): 788.000,0 đồng.

- Hàng rào bằng gạch táp lô dài 13,48m: 2.409.000,0 đồng.

- Chuồng trại móng đá hộc, gạch táp lô, nền láng xi măng, mái lợp Fibro: 45.281.000,0 đồng.

- Nhà tránh lũ bằng khung thép mạ kẽm, mái lợp tôn màu: 10.000.000,0 đồng.

- Sân láng xi măng diện tích 155,05m^2 : 2.016.000,0 đồng

Về tài sản trên đất ông Đặng Văn C đề nghị giao cho ông 01 căn nhà gỗ có diện tích 71,42m^2 và ốt (phần mái che) gắn với căn nhà gỗ có diện tích 25,4m^2, vì hai công trình này do ông C tạo lập và hiện nay ông là người trực tiếp, quản lý, sử dụng.

Xét thấy, đối với phần mái che lợp Firoxi măng có diện tích 25,4m^2 bên cạnh ngôi nhà gỗ có nguồn gốc do ông Đặng Văn C tạo lập, hiện nay mái che này nằm trên phần đất ông Đặng Văn C được giao nên cần tiếp tục giao cho ông C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Đối với 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 71,42m^2, nền láng vữa xi măng, vách thưng bằng đất kết hợp với gỗ, ngôi nhà này là tài sản do ông Đặng Văn C và bà Đoàn Thị L1 tạo lập, hiện nay ông C đang trực tiếp sử dụng và có nguyện vọng được lấy căn nhà để sinh sống; như vậy, một phần căn nhà là di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại, nên những người được hưởng thừa kế của bà L1 có quyền yêu cầu chia căn nhà; tuy nhiên, trong vụ án này bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn K, bà Đậu Thị T và anh Đặng Văn B từ chối nhận phần di sản của mình được hưởng. Đối với bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H thực tế đã được chia phần đất có giá trị lớn hơn nhiều lần kỷ phần mỗi người đáng ra được nhận, trên phần đất này có nhiều tài sản ông C có công đóng góp, tạo lập; mặt khác xét về nguồn gốc căn nhà gỗ này là tài sản do ông C, bà L1 tạo lập, hiện nay ông C đã già không đủ khả năng để tạo lập chỗ ở mới và căn nhà có thể di dời, chuyển sang vị trí khác mà không ảnh hưởng lớn đến kết cấu, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của ông C và giao căn nhà gỗ này cho ông C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng.

Đối với các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối và các tài sản khác trên đất (trừ căn nhà gỗ có diện tích 71,42m^2 và phần mái che lợp Firoxi măng có diện tích 25,4m^2) chủ yếu do ông Đặng Văn T4, bà Trần Thị V tạo lập, các tài

sản là công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối hầu hết nằm trên phần đất giao cho bà V, anh T1, anh H. Do đó để tránh việc di dời gây thiệt hại về các tài sản thì cần giao quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối và các tài sản khác nằm trên phần đất được giao cho người được quyền quản lý sử dụng đất (trừ căn nhà gỗ có diện tích 71,42m^2 đã giao cho ông Đặng Văn C).

Từ những nội dung phân tích trên, có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158, 159, 160, 161, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, các đương sự có nghĩa vụ phải chịu án phí, chi phí theo quy định, cụ thể:

[3.1] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Ông Đặng Văn C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí.

Bị đơn bà Trần Thị V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H phải chịu án phí theo giá ngạch đối với phần giá trị đất được nhận là 73.580.530 đồng x 5% = 3.679.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy chín ngàn đồng).

[3.2] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 14.530.000 đồng và chi phí giám định là 3.720.000 đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng), tổng cộng 18.250.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trong vụ án này khởi kiện của ông Đặng Văn C được chấp nhận, mặt khác xét về giá trị tài sản bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H được nhận nhiều hơn ông Đặng Văn C nên cần buộc bà V, anh T1, anh H phải chịu 2/3 chi phí tố tụng; ông Đặng Văn C phải chịu 1/3 chi phí tố tụng, tương ứng với số tiền bà V, anh T1, anh H phải chịu là 12.166.666 đồng (Mười hai triệu một trăm sáu sáu ngàn, sáu trăm sáu sáu đồng); ông C phải chịu 6.083.333 đồng (Sáu triệu không trăm tám ba ngàn ba trăm ba ba đồng). Do số tiền này ông Đặng Văn C đã nộp tạm ứng đủ nên bà V, anh T1, anh H có nghĩa vụ phải trả lại cho ông C 12.166.666 đồng (Mười hai triệu một trăm sáu sáu ngàn sáu trăm sáu sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 5, khoản 9 Điều 26, 34, 37, 39, 48, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158, 159, 160, 161, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm

1986; Điều 27, 28 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 33, 35 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 3, 32 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Đặng Văn C.

1.1. Hủy Quyết định số 9236/UBND-QĐ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO 352340, cấp ngày 30/11/2018 của UBND huyện H, đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, diện tích 1383,7m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1083,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Đặng Văn T4 và bà Trần Thị V.

1.2. Chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị L1 để lại và tài sản của ông Đặng Văn C đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 21, với hiện trạng sử dụng có diện tích 1318,3m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 1018,3m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

1.2.1. Giao cho ông Đặng Văn C được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 337m^2, trị giá 29.399.700đồng (trong đó đất ở 100m^2, trị giá 18.000.000 đồng và đất trồng cây lâu năm 237m^2, trị giá 11.399.700 đồng), thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất giao cho ông C có vị trí tứ cận:

- Phía Tây giáp đất ông Đào Văn L2 dài 12,5m;

- Phía Nam giáp ngõ vào nhà ông Đào Văn L2 dài 23,3m;

- Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 14m;

- Phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1 và anh Đặng Văn H dài 28,8m;

1.2.2. Giao cho bà Trần Thị V, anh Đặng văn T1, anh Đặng Văn H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 981,3m^2, trị giá 73.580.530đồng (trong đó đất ở diện tích 200m^2, trị giá 36.000.000đồng và đất trồng cây lâu năm 781,3m^2, trị giá 37.580.530đồng), thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất giao cho bà V2, anh T1, anh H có vị trí tứ cận:

- Phía Tây giáp đất ông Đào Văn L2 dài 25,86m;

- Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Đặng Văn C dài 28,8m;

- Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 35,43m;

- Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 34,41m;

1.3. Về tài sản trên đất:

1.3.1. Giao cho ông Đặng Văn C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 71,42m^2, nền láng vữa xi măng, vách thưng bằng đất kết hợp với gỗ trị giá 41.871.460,0 đồng và toàn bộ

các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối cùng các tài sản khác nằm trên phần đất có diện tích 337m^2 mà ông C được giao quản lý sử dụng.

1.3.2. Giao cho bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H được quyền sở hữu, quản lý sử dụng toàn bộ các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối cùng các tài sản khác nằm trên phần đất có diện tích 981,3m^2 mà bà V, anh T1, anh H được giao quản lý, sử dụng (trừ 01 căn nhà khung gỗ chiều cao cột khoảng 3,6m, diện tích 71,42m^2 đã được giao cho ông Đặng Văn C).

(Chi tiết, cụ thể phần đất giao cho các đương sự có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Các đương sự được giao quản lý, sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sự cho ông Đặng Văn C

Buộc bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H phải chịu 3.679.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó mỗi người phải chịu 1.226.333đồng).

3.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định:

Buộc ông Đặng Văn C phải chịu 6.083.333 (Sáu triệu không trăm tám ba ngàn ba trăm ba ba đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định; bà Trần Thị V, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn H phải chịu 12.166.666 đồng (Mười hai triệu một trăm sáu sáu ngàn sáu trăm sáu sáu đồng), trong đó bà V, anh T1, anh H mỗi người phải chịu 4.222.222 (Bốn triệu hai trăm hai hai ngàn hai trăm hai hai đồng). Do tiền chi phí ông Đặng Văn C đã nộp tạm ứng, nên bà V, anh T1, anh H có nghĩa vụ phải trả lại cho ông C 12.166.666 đồng (Mười hai triệu một trăm sáu sáu ngàn sáu trăm sáu sáu đồng), trong đó bà V, anh T1, anh H mỗi người phải ctrả cho ông C 4.222.222 (Bốn triệu hai trăm hai hai ngàn hai trăm hai hai đồng).

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Người BVQLIHPCĐS;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Quang